CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VĨNH HƯNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31 / TB - ĐGHDVH	*Lạng Sơn, ngày 10 tháng 5 năm 2022*

THÔNG BÁO
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Tầng 02 Số 33 Trần Đăng Ninh, khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

2. Tên, địa chỉ người có tài sản: Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn (Phố Nguyễn Chí Thanh, khu tái định cư và dân cư Nam thành phố, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

3. Tài sản đấu giá và giá khởi điểm

a. Tài sản đấu giá: 01 lô hàng tạp hóa các loại bao gồm 94 mặt hàng của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu sung quỹ nhà nước. Tình trạng tài sản: đã để lưu kho lâu ngày, xuống cấp… *(Kèm theo Bảng kê tài sản).*

b. Giá khởi điểm: 612.216.000 đồng *(Sáu trăm mười hai triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).* Giá khởi điểm trên chưa bao gồm các nghĩa vụ tài chính liên quan đến tài sản và các chi phí khác.

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản và hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản:

Thời gian, địa điểm xem tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng tổ chức cho người đăng ký tham gia đấu giá xem tài sản từ ngày 23/5/2022 đến ngày 25/5/2022 tại nơi có tài sản - Chi nhánh Công ty Lương thực Cao Lạng (Số 100 đường Ngô Quyền, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

Thời gian, địa điểm xem hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng tổ chức cho người đăng ký tham gia đấu giá xem hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản từ ngày 10/5/2022 đến ngày 25/5/2022 tại Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Tầng 2 Số 33 Trần Đăng Ninh, khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

5. Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước

a. Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá: 500.000 đồng / 01 hồ sơ *(Năm trăm nghìn đồng).*

b. Tiền đặt trước: 122.000.000 đồng / 01 hồ sơ *(Một trăm hai mươi hai triệu đồng).*

Khoản tiền đặt trước của khách hàng được nộp vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng số 039608558888 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Lạng Sơn hoặc số 111602127888 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn: Từ ngày 25/5/2022 đến 17 giờ 00 phút ngày 27/5/2022. Sau khi nộp tiền đặt trước

theo quy định, khách hàng nộp giấy nộp tiền đặt trước cho Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Trong trường hợp bảo lãnh tại ngân hàng, khách hàng nộp văn bản bảo lãnh cho Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng).

6. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá; Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

a. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá *(trong giờ hành chính)*: Từ ngày 10/5/2022 đến ngày 25/5/2022 tại Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Tầng 2 Số 33 Trần Đăng Ninh, khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

b. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

* Đối tượng, điều kiện tham gia đấu giá:

- Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định trừ các đối tượng không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4, Điều 38, Luật đấu giá tài sản năm 2016. Mỗi hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá. Mỗi tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá, có 02 doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một tổng công ty thì chỉ được 01 doanh nghiệp tham gia đấu giá, Tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp liên doanh với 01 bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được 01 doanh nghiệp tham gia đấu giá.

- Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá có nghĩa vụ về hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá nộp cho Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng như sau:

+ Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của giấy tờ, hồ sơ tham gia đấu giá nộp cho Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng.

+ Cam kết không thuộc đối tượng không được nhận chuyển nhượng, đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật. Cam kết không thuộc đối tượng không được đăng ký tham gia đấu giá quy định tại Khoản 4, Điều 38, Luật đấu giá tài sản năm 2016 và theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá.

+ Trường hợp người tham gia đấu giá và người trúng đấu giá cố tình vi phạm thì chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, kết quả đấu giá của người đó bị hủy và và tiền đặt trước xử lý theo quy định của pháp luật.

* Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Người đăng ký tham gia đấu giá đến Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Tầng 2 Số 33 Trần Đăng Ninh, khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn) làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá:

+ Đối với cá nhân: Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc bản sao có chứng thực Căn cước công dân hoặc bản sao có chứng thực Hộ chiếu còn được lưu hành theo quy định của pháp luật.

+ Đối với tổ chức: Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép đăng ký kinh doanh, đã nộp lệ phí môn bài năm 2022; Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc bản sao có chứng thực Căn cước công dân hoặc bản sao có chứng thực Hộ chiếu còn

được lưu hành theo quy định của pháp luật của người đại diện; Giấy ủy quyền nếu không phải là người đại diện hợp pháp theo quy định và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng phát hành và có đóng dấu của Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng.

+ Đã nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định. Người đã đăng ký tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước theo quy định, những trường hợp không nộp thì không đủ điều kiện để tham gia đấu giá.

- Người tham gia đấu giá phải thực hiện đầy đủ những quy định tại Thông báo đấu giá tài sản và Quy chế cuộc đấu giá của Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng ban hành áp dụng đối với tài sản trên.

- Người tham gia đấu giá phải nghiêm túc thực hiện đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Lạng Sơn và các cơ quan có thẩm quyền khác có liên quan về phòng chống dịch COVID-19.

- Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền (có Giấy ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật) cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá và nộp Giấy ủy quyền cho Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng tại Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Tầng 2 Số 33 Trần Đăng Ninh, khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn) trong giờ hành chính trước ngày tổ chức cuộc đấu giá. Người được ủy quyền phải là người không có tên trong danh sách khách hàng đăng ký tham gia cuộc đấu giá và chỉ được nhận ủy quyền cho 01 người khách hàng duy nhất tham gia cuộc đấu giá.

7. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: 13 giờ 30 phút ngày 28/5/2022 tại Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Tầng 2 Số 33 Trần Đăng Ninh, khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

Trường hợp nếu chỉ có 01 người đủ điều kiện tham gia đấu giá thì Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng sẽ báo cáo Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn để Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn biết, có hướng xử lý theo quy định và thông báo đến khách hàng tham gia đấu giá.

8. Hình thức đấu giá, bước giá, phương thức đấu giá và cách thức trả giá

a. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp, nhiều vòng, công khai giá khởi điểm tài sản.

b. Bước giá: 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)*. Áp dụng từ vòng đấu giá thứ hai trở đi.

c. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên, vòng đấu thứ nhất trả từ giá khởi điểm trở lên, giá khởi điểm của vòng tiếp theo là giá đã trả cao nhất của vòng trước liền kề cộng với bước giá đã quy định.

d. Cách thức trả giá: Quy định cụ thể tại Quy chế cuộc đấu giá của Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng (Tầng 02 Số 33 Trần Đăng Ninh, khối 1, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, SĐT: 02053 868 188, 0911 303 266) hoặc Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn (Phố Nguyễn Chí Thanh, khu tái định cư và dân cư Nam thành phố, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn)./.

Nơi nhận:
- Cổng TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang TTĐT Thời báo Tài chính Việt Nam;
- Đài PT và TH tỉnh Lạng Sơn;
- Niêm yết tại Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng; Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn; Chi nhánh Công ty Lương thực Cao Lạng;
- Lưu VT, HSĐG.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VĨNH HƯNG

Nguyễn Thị Thu Hằng

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VĨNH HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ TÀI SẢN CÓ QUYẾT ĐỊNH TỊCH THU SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Thông báo đấu giá tài sản số 31/TB-ĐGHDVH ngày 10/5/2022 của Công ty đấu giá hợp danh Vĩnh Hưng)

Số TT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Kết luận định giá số 1240/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2019		Chứng thư định giá số 481/CTh-VCHP ngày 25/02/2021 của Công ty CPTVTĐG VCHP		Giá khởi điểm để bán đấu giá Hội đồng xác định		Giá điều chỉnh lần 1 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 2 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 3 (giảm 20%)		Giá điều chỉnh lần 4 (giảm 20%)		Xuất xứ	Hiện trạng tài sản, hàng hóa (Theo nội dung bản án)	Ghi chú
				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)			
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6=2x5	7	8=2x7	9	10							11	12	13
1	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1475, dung lượng: 16GB.	Chiếc	2	1,400,000	2,800,000	1,100,000	2,200,000	1,100,000	2,200,000	990,000	1,980,000	891,000	1,782,000	712,800	1,425,600	570,240	1,140,480	Trung Quốc	Vỏ ngoài trầy xước, bám nhiều bụi bẩn, không lắp nguồn, đã qua sử dụng	
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1674, dung lượng: 32GB.	Chiếc	10	3,600,000	36,000,000	3,200,000	32,000,000	3,200,000	32,000,000	2,880,000	28,800,000	2,592,000	25,920,000	2,073,600	20,736,000	1,658,880	16,588,800	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1954, dung lượng: 32GB	Chiếc	9	3,200,000	28,800,000	3,000,000	27,000,000	3,000,000	27,000,000	2,700,000	24,300,000	2,430,000	21,870,000	1,944,000	17,496,000	1,555,200	13,996,800	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1490, dung lượng: 16GB.	Chiếc	3	1,400,000	4,200,000	1,000,000	3,000,000	1,000,000	3,000,000	900,000	2,700,000	810,000	2,430,000	648,000	1,944,000	518,400	1,555,200	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1600, dung lượng: 16GB	Chiếc	5	1,600,000	8,000,000	1,200,000	6,000,000	1,200,000	6,000,000	1,080,000	5,400,000	972,000	4,860,000	777,600	3,888,000	622,080	3,110,400	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1430, dung lượng: 16GB	Chiếc	1	1,000,000	1,000,000	700,000	700,000	700,000	700,000	630,000	630,000	567,000	567,000	453,600	453,600	362,880	362,880	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1430, dung lượng: 64GB.	Chiếc	1	1,000,000	1,000,000	700,000	700,000	700,000	700,000	630,000	630,000	567,000	567,000	453,600	453,600	362,880	362,880	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1823, dung lượng: 32GB.	Chiếc	3	2,400,000	7,200,000	2,000,000	6,000,000	2,000,000	6,000,000	1,800,000	5,400,000	1,620,000	4,860,000	1,296,000	3,888,000	1,036,800	3,110,400	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1709, dung lượng: 16GB	Chiếc	1	4,400,000	4,400,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,150,000	3,150,000	2,835,000	2,835,000	2,268,000	2,268,000	1,814,400	1,814,400	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1550, dung lượng: 16GB	Chiếc	1	2,400,000	2,400,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,620,000	1,620,000	1,458,000	1,458,000	1,166,400	1,166,400	933,120	933,120	Trung Quốc		
	Máy tính bảng, màu bạc, hiệu: Apple, model: A1567, dung lượng 16GB	Chiếc	2	2,000,000	4,000,000	1,600,000	3,200,000	1,600,000	3,200,000	1,440,000	2,880,000	1,296,000	2,592,000	1,036,800	2,073,600	829,440	1,658,880	Trung Quốc		
2	Đồng hồ thông minh, hiệu: Apple, loại series 4, model: A1978	Chiếc	12	10,500,000	126,000,000	4,000,000	48,000,000	4,000,000	48,000,000	3,600,000	43,200,000	3,240,000	38,880,000	2,592,000	31,104,000	2,073,600	24,883,200	Trung Quốc	Chưa kiểm tra chất lượng chuyển mạch	
3	Dây đeo đồng hồ, màu đen, chất liệu: nhựa	Chiếc	55	40,000	2,200,000	20,000	1,100,000	20,000	1,100,000	18,000	990,000	16,200	891,000	12,960	712,800	10,368	570,240	Không rõ xuất xứ		
4	Bóng sưởi hồng ngoại, hiệu: Jiu Shuo, model: M-R125 INFRA, điện áp: 220V-100W, quy cách: 60 chiếc/thùng.	Chiếc	3,540	16,000	56,640,000	9,000	31,860,000	9,000	31,860,000	8,100	28,674,000	7,290	25,806,600	5,832	20,645,280	4,666	16,516,224	Xuất xứ Trung Quốc	60 chiếc/thùng; tổng số 199 thùng, bên ngoài thùng có vết dơ bẩn, giấy bọc thùng có vết, dư dính bụi rỉ sét, ẩm ướt hóa	
	Bóng sưởi hồng ngoại, hiệu: Jiu Shuo, model: M-R125 INFRA, điện áp: 220V-150W, quy cách: 60 chiếc/thùng.	Chiếc	2,340	17,000	39,780,000	10,000	23,400,000	10,000	23,400,000	9,000	21,060,000	8,100	18,954,000	6,480	15,163,200	5,184	12,130,560	Xuất xứ Trung Quốc		
	Bóng sưởi hồng ngoại, hiệu: Jiu Shuo, model: M-R125 INFRA, điện áp: 220V-175W, quy cách: 60 chiếc/thùng.	Chiếc	2,340	17,500	40,950,000	10,500	24,570,000	10,500	24,570,000	9,450	22,113,000	8,505	19,901,700	6,804	15,921,360	5,443	12,737,088	Xuất xứ Trung Quốc		
	Bóng sưởi hồng ngoại, hiệu: Jiu Shuo, model: M-R125 INFRA, điện áp: 220V-200W, quy cách: 60 chiếc/thùng.	Chiếc	1,740	18,000	31,320,000	11,000	19,140,000	11,000	19,140,000	9,900	17,226,000	8,910	15,503,400	7,128	12,402,720	5,702	9,922,176	Xuất xứ Trung Quốc		
	Bóng sưởi hồng ngoại, hiệu: Jiushuo, model: M-R125 INFRA, điện áp: 220V-250W, quy cách: 60 chiếc/thùng.	Chiếc	1,740	19,000	33,060,000	12,000	20,880,000	12,000	20,880,000	10,800	18,792,000	9,720	16,912,800	7,776	13,530,240	6,221	10,824,192	Xuất xứ Trung Quốc		
5	Nguồn đèn led, hiệu: 2CD Sea Star, model: F-400W-12V, nguồn vào: 190-240V/50-60Hz.	Chiếc	95	80,000	7,600,000	60,000	5,700,000	60,000	5,700,000	54,000	5,130,000	48,600	4,617,000	38,880	3,693,600	31,104	2,954,880	Không rõ xuất xứ	Một số bị rỉ sét và ố vàng	
6	Nguồn Sea Star, A-360-12, AC input 200-240VAC/50-60HZ, DC output 12V-30A	Chiếc	310	60,000	18,600,000	30,000	9,300,000	30,000	9,300,000	27,000	8,370,000	24,300	7,533,000	19,440	6,026,400	15,552	4,821,120	Không rõ xuất xứ	Một số bị rỉ sét và ố vàng	
7	Điều hoà nhiệt độ cây, hiệu: Panasonic, model: CU/CS-PA27FJ2	Bộ	2	17,000,000	34,000,000	12,000,000	24,000,000	12,000,000	24,000,000	10,800,000	21,600,000	9,720,000	19,440,000	7,776,000	15,552,000	6,220,800	12,441,600	Không rõ xuất xứ		
8	Điều hoà nhiệt độ, hiệu: Panasonic, model: CU/CS-PA13KJ2	Bộ	1	9,000,000	9,000,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	5,850,000	5,850,000	5,265,000	5,265,000	4,212,000	4,212,000	3,369,600	3,369,600	Không rõ xuất xứ		
9	Dây cáp sạc pin điện thoại android, quy cách: 10 chiếc/bịch	Chiếc	10,000	2,000	20,000,000	1,000	10,000,000	1,000	10,000,000	900	9,000,000	810	8,100,000	648	6,480,000	518	5,184,000	Không rõ xuất xứ	Một số bị rỉ sét và ố vàng	
10	Dây cáp sạc pin điện thoại iphone, quy cách: 480 chiếc/thùng	Chiếc	9,600	2,000	19,200,000	1,000	9,600,000	1,000	9,600,000	900	8,640,000	810	7,776,000	648	6,220,800	518	4,976,640	Không rõ xuất xứ	Một số bị cháy giảm và rỉ sét	
11	Đốc sạc điện thoại, nhãn hiệu hàng hóa trên bao bì sản phẩm: Samsung, model: ETA0U10EWE, điện áp: 100-240V/50-60HZ/0.15A, sản xuất năm: 28/08/2018, quy cách: 207 chiếc/thùng	Chiếc	1,035	3,000	3,105,000	2,000	2,070,000	2,000	2,070,000	1,800	1,863,000	1,620	1,676,700	1,296	1,341,360	1,037	1,073,088	Việt Nam	Một số bị rỉ sét và ố vàng	
12	Dây cáp mạng, hiệu: WANGFENG, model: SYV, quy cách: đóng thùng carton, chiều dài: 100 mét/cuộn x 5 cuộn (Bản án tuyên 51kg)	Mét	500	2,000	1,000,000	2,000	1,000,000	2,000	1,000,000	1,800	900,000	1,620	810,000	1,296	648,000	1,037	518,400	Không rõ xuất xứ	Đã hỏn	
13	Máy chủ, hiệu: SUPERMICRO, mã sản phẩm: CSE-745	Bộ	1	12,000,000	12,000,000	8,000,000	8,000,000	8,000,000	8,000,000	7,200,000	7,200,000	6,480,000	6,480,000	5,184,000	5,184,000	4,147,200	4,147,200	Không thể hiện	Chưa qua sử dụng	
14	Bộ chuyển đổi âm thanh, hiệu: KIWI audio.	Chiếc	1,500	20,000	30,000,000	10,000	15,000,000	10,000	15,000,000	9,000	13,500,000	8,100	12,150,000	6,480	9,720,000	5,184	7,776,000	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	

Số TT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Kết luận định giá số 1246/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2019		Chứng thư định giá số 481/CTa-VCHP ngày 25/02/2021 của Công ty CPTVTĐG VCHP		Giá khởi điểm để bán đồng xác định		Giá điều chỉnh lần 1 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 2 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 3 (giảm 20%)		Giá điều chỉnh lần 4 (giảm 20%)		Xuất xứ	Hiện trạng tài sản, hàng hóa (Theo nội dung bản án)	Ghi chú
				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)			
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6=2x5	7	8=2x7	9	10							11	12	13
15	Bộ chia điện ô tô, nhãn mác trên bao bì: chữ nước ngoài.	Chiếc	15	200,000	3,000,000	100,000	1,500,000	100,000	1,500,000	90,000	1,350,000	81,000	1,215,000	64,800	972,000	51,840	777,600	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị hơn rỉ	
16	Bộ chia điện ô tô, không nhãn hiệu.	Chiếc	95	200,000	19,000,000	100,000	9,500,000	100,000	9,500,000	90,000	8,550,000	81,000	7,695,000	64,800	6,156,000	51,840	4,924,800	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị hơn rỉ	
17	Bản lề cửa, kích thước: (25x10) cm, chất liệu kim loại	Bộ	46	100,000	4,600,000	80,000	3,680,000	80,000	3,680,000	72,000	3,312,000	64,800	2,980,800	51,840	2,384,640	41,472	1,907,712	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị hơn rỉ, hơn mốc do ô xi hóa	
18	Bản lề cửa, kích thước: (14x9) cm, chất liệu kim loại	Bộ	28	80,000	2,240,000	65,000	1,820,000	65,000	1,820,000	58,500	1,638,000	52,650	1,474,200	42,120	1,179,360	33,696	943,488	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị hơn rỉ, hơn mốc do ô xi hóa	
19	Bộ bản lề đóng cửa tự động, hiệu: Dinfurni, model: 062.	Bộ	95	80,000	7,600,000	80,000	7,600,000	80,000	7,600,000	72,000	6,840,000	64,800	6,156,000	51,840	4,924,800	41,472	3,939,840	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số không có hộp	
20	Tay nắm cửa, kích thước: (32x6) cm, chất liệu: kim loại	Bộ	66	400,000	26,400,000	300,000	19,800,000	300,000	19,800,000	270,000	17,820,000	243,000	16,038,000	194,400	12,830,400	155,520	10,264,320	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số hơn mốc do ô xi hóa	
21	Tay nắm cửa, kích thước: (23x5) cm, chất liệu: kim loại	Bộ	97	300,000	29,100,000	200,000	19,400,000	200,000	19,400,000	180,000	17,460,000	162,000	15,714,000	129,600	12,571,200	103,680	10,056,960	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số hơn mốc do ô xi hóa	
22	Tay nắm cửa, kích thước: (52.5x7) cm, chất liệu: kim loại	Bộ	1	800,000	800,000	600,000	600,000	600,000	600,000	540,000	540,000	486,000	486,000	388,800	388,800	311,040	311,040	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số hơn mốc do ô xi hóa	
23	Tay cảm của tay nắm cửa, kích thước: (12x5.5) cm	Chiếc	503	40,000	20,120,000	30,000	15,090,000	30,000	15,090,000	27,000	13,581,000	24,300	12,222,900	19,440	9,778,320	15,552	7,822,656	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số hơn mốc do ô xi hóa	
24	Tay chống kính Long dài 50cm (Kết luận: Chi tiết kim loại, chiều dài: 50 cm).	Chiếc	95	12,000	1,140,000	5,000	475,000	5,000	475,000	4,500	427,500	4,050	384,750	3,240	307,800	2,592	246,240	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số hơn mốc do ô xi hóa, rỉ sét	
25	Vòng bi Genuine G-best 48RCT3303Z (Cloth bearing)	Chiếc	55	35,000	1,925,000	20,000	1,100,000	20,000	1,100,000	18,000	990,000	16,200	891,000	12,960	712,800	10,368	570,240	Không rõ xuất xứ	Một số bị rỉ sét do ô xi hóa	
26	Bông hơi ô tô, hiệu: Conditech, model: 661N.	Chiếc	20	180,000	3,600,000	180,000	3,600,000	180,000	3,600,000	162,000	3,240,000	145,800	2,916,000	116,640	2,332,800	93,312	1,866,240	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét, hơn mốc nặt	
27	Giảm chấn cao su, quy cách: ϕ 5.5x6 cm.	Chiếc	90	8,000	720,000	8,000	720,000	8,000	720,000	7,200	648,000	6,480	583,200	5,184	466,560	4,147	373,248	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
28	Bông hơi ô tô, hiệu: Firestone.	Chiếc	60	180,000	10,800,000	180,000	10,800,000	180,000	10,800,000	162,000	9,720,000	145,800	8,748,000	116,640	6,998,400	93,312	5,598,720	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
29	Vòng bi, hiệu: Genuine G-best, model: RCTS338SAZ	Chiếc	35	35,000	1,225,000	20,000	700,000	20,000	700,000	18,000	630,000	16,200	567,000	12,960	453,600	10,368	362,880	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét do ô xi hóa, hộp mục nát	
30	Giá inox, 05 đợt kích thước: (90 x 45) cm, 04 ống inox chân dài 223cm ϕ3 cm	Bộ	2	400,000	800,000	100,000	200,000	100,000	200,000	90,000	180,000	81,000	162,000	64,800	129,600	51,840	103,680	Không rõ xuất xứ	Chưa sử dụng, đã bị rỉ sét do ô xi hóa	
31	Đèn xe đạp (Bicycle light and headlight) và phụ kiện kèm theo, quy cách: đóng hộp	Bộ	45	60,000	2,700,000	50,000	2,250,000	50,000	2,250,000	45,000	2,025,000	40,500	1,822,500	32,400	1,458,000	25,920	1,166,400	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét do ô xi hóa	
32	Má phanh xe ô tô, nhãn hiệu trên bao bì sản phẩm: FORD, serial: 6C112M00SAC, chất liệu: kim loại, quy cách: 2 cặp/hộp x 30 hộp	Cặp	60	150,000	9,000,000	100,000	6,000,000	100,000	6,000,000	90,000	5,400,000	81,000	4,860,000	64,800	3,888,000	51,840	3,110,400	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	Có 80 bộ to và 20 bộ nhỏ
	Má phanh xe ô tô, nhãn hiệu trên bao bì sản phẩm: FORD, serial: 6C112M00SAC, chất liệu: kim loại, quy cách: 2 cặp/hộp x 30 hộp	Cặp	40	150,000	6,000,000	100,000	4,000,000	100,000	4,000,000	90,000	3,600,000	81,000	3,240,000	64,800	2,592,000	51,840	2,073,600	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
33	Máy sấy khăn, hiệu: Towel Warmer, model: RTD-23A, điện áp: 220V/50-60HZ/200W	Chiếc	6	600,000	3,600,000	300,000	1,800,000	300,000	1,800,000	270,000	1,620,000	243,000	1,458,000	194,400	1,166,400	155,520	933,120	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét do ô xi hóa	
34	Máy thử nghiệm phun nhiên liệu diesel (Diesel Injection Pump Test Bench), hiệu: TAIAN DONGTAI, model: 12PSB, điện áp: 380V/7.5KW/16A, tốc độ quay: 4.000 vòng/phút, sản xuất năm: 12/2018	Chiếc	1	35,000,000	35,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	27,000,000	27,000,000	24,300,000	24,300,000	19,440,000	19,440,000	15,552,000	15,552,000	Không thể hiện	Chưa qua sử dụng, một số đã bị rỉ sét do ô xi hóa	
35	Thiết bị lọc dầu tinh điện (Electrostatic Oil Fume Purification Equipment), model: LCA-8A, điện áp: 220V/620W, lưu lượng khí: 8.000 m3/giờ, sản xuất năm: 29/11/2018 và phụ kiện kèm theo.	Bộ	1	7,500,000	7,500,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	6,300,000	6,300,000	5,670,000	5,670,000	4,536,000	4,536,000	3,628,800	3,628,800	Không thể hiện	Chưa qua sử dụng, một số đã bị rỉ sét do ô xi hóa	
36	Máy sấy khăn, hiệu: Towel Warmer, model: RTD-23A, điện áp: 220V/50-60HZ/200W	Chiếc	3	600,000	1,800,000	300,000	900,000	300,000	900,000	270,000	810,000	243,000	729,000	194,400	583,200	155,520	466,560	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng	
37	Bản ép côn ô tô, nhãn mác trên bao bì: GENUINE G-BETS.	Chiếc	95	350,000	33,250,000	100,000	9,500,000	100,000	9,500,000	90,000	8,550,000	81,000	7,695,000	64,800	6,156,000	51,840	4,924,800	Không rõ xuất xứ	Chưa sử dụng, một số hộp bục, nát, một số cái đã bị rỉ sét (trong đó có 85 chiếc có hộp nhãn mác và 10 chiếc không có hộp, không đọc được nhãn mác do rỉ sét, ô xi hóa)	
38	Lá côn ô tô, nhãn mác trên bao bì: GENUINE G-BETS.	Chiếc	95	300,000	28,500,000	100,000	9,500,000	100,000	9,500,000	90,000	8,550,000	81,000	7,695,000	64,800	6,156,000	51,840	4,924,800	Không rõ xuất xứ	Chưa sử dụng, một số hộp bục, nát, một số cái đã bị rỉ sét (trong đó có 80 chiếc có hộp nhãn mác và 15 chiếc không có hộp, không đọc được nhãn mác do rỉ sét, ô xi hóa)	
39	Máy cắt gạch tay đẩy, hiệu: Quayou, model: QY-8001N.	Chiếc	8	150,000	1,200,000	120,000	960,000	120,000	960,000	108,000	864,000	97,200	777,600	77,760	622,080	62,208	497,664	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét, ô xi hóa	
40	Mũi khoan rút lõi bê tông, hiệu: Quayou, quy cách: ϕ63, chiều dài: 37cm.	Chiếc	20	110,000	2,200,000	110,000	2,200,000	110,000	2,200,000	99,000	1,980,000	89,100	1,782,000	71,280	1,425,600	57,024	1,140,480	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét do ô xi hóa	
41	Máy đục, hiệu: Quayou, model: QY-8035NM, điện áp: 220V/50Hz/1.000W.	Chiếc	6	900,000	5,400,000	800,000	4,800,000	800,000	4,800,000	720,000	4,320,000	648,000	3,888,000	518,400	3,110,400	414,720	2,488,320	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét do ô xi hóa	
42	Máy khoan rút lõi, hiệu: Quayou, model: QY-3238, điện áp: 110-220V/50-60Hz/3.200W.	Chiếc	3	3,200,000	9,600,000	3,000,000	9,000,000	3,000,000	9,000,000	2,700,000	8,100,000	2,430,000	7,290,000	1,944,000	5,832,000	1,555,200	4,665,600	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét do ô xi hóa, không có hộp	
43	Máy xay, nhãn hiệu không thể hiện, model: DM-Z100AIII, điện áp: 220V/750W.	Chiếc	1	1,500,000	1,500,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,080,000	1,080,000	972,000	972,000	777,600	777,600	622,080	622,080	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét do ô xi hóa	

Số TT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Kết luận định giá số 1246/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2019		Chứng thư định giá số 481/CTh-VCHP ngày 25/02/2021 của Công ty CPTVTĐG VCHP		Giá khởi điểm để bán đấu giá đồng xác định		Giá điều chỉnh lần 1 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 2 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 3 (giảm 20%)		Giá điều chỉnh lần 4 (giảm 20%)		Xuất xứ	Hiện trạng tài sản, hàng hóa (Theo nội dung bản án)	Ghi chú
				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)			
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6=2x5	7	8=2x7	9	10							11	12	13
44	Mũi khoan rút lõi bê tông, hiệu: Quayou, quy cách: ϕ120, chiều dài: 320 mm.	Chiếc	10	170,000	1,700,000	170,000	1,700,000	170,000	1,700,000	153,000	1,530,000	137,700	1,377,000	110,160	1,101,600	88,128	881,280	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét do ô xi hóa	
45	Máy cắt gạch, hiệu: Quayou, model: QY-4210AM, điện áp: 220V/50-60Hz/1,450W.	Chiếc	12	450,000	5,400,000	400,000	4,800,000	400,000	4,800,000	360,000	4,320,000	324,000	3,888,000	259,200	3,110,400	207,360	2,488,320	Trung Quốc	Một số bị rỉ sét do ô xi hóa	
46	Mũi khoan rút lõi bê tông, hiệu: Quayou, quy cách: ϕ162, chiều dài: 320 mm.	Chiếc	5	300,000	1,500,000	300,000	1,500,000	300,000	1,500,000	270,000	1,350,000	243,000	1,215,000	194,400	972,000	155,520	777,600	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét do ô xi hóa	
47	Máy thổi bụi, hiệu: Quayou, model: QY-1280, điện áp: 220V/50Hz/800W.	Chiếc	6	350,000	2,100,000	300,000	1,800,000	300,000	1,800,000	270,000	1,620,000	243,000	1,458,000	194,400	1,166,400	155,520	933,120	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét do ô xi hóa	
48	Máy hàn, hiệu: Quayou, model: ZX7250.	Chiếc	1	1,600,000	1,600,000	1,500,000	1,500,000	1,500,000	1,500,000	1,350,000	1,350,000	1,215,000	1,215,000	972,000	972,000	777,600	777,600	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, đã bị rỉ sét, ô xi hóa	
49	Máy đuổi chuột, hiệu: BUG SACRE, model: KD-28A, điện áp: AC 180-250V/50HZ/8W, 90-110V/60HZ/8W	Chiếc	95	80,000	7,600,000	30,000	2,850,000	30,000	2,850,000	27,000	2,565,000	24,300	2,308,500	19,440	1,846,800	15,552	1,477,440	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số bị rỉ sét do ô xi hóa	
50	Máy đóng chứng từ, model: HJ-50AM, khối lượng: 40kg (Biên bản bàn giao Cục Thi hành án ghi: Máy đóng gáy sổ...)	Chiếc	1	16,000,000	16,000,000	15,000,000	15,000,000	15,000,000	15,000,000	13,500,000	13,500,000	12,150,000	12,150,000	9,720,000	9,720,000	7,776,000	7,776,000	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét do ô xi hóa	
51	Bản cắt, nhãn mác trên sản phẩm: QILENG, kích thước: (26x16) cm	Chiếc	6	120,000	720,000	100,000	600,000	100,000	600,000	90,000	540,000	81,000	486,000	64,800	388,800	51,840	311,040	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét do ô xi hóa	
52	Đầu máy tiện 4TAW self-centeringchucfofwood (Kết luận ghi:Mâm cặp, model: KP125, chất liệu: kim loại, quy cách: 1 chiếc/hộp)	Hộp	10	300,000	3,000,000	300,000	3,000,000	300,000	3,000,000	270,000	2,700,000	243,000	2,430,000	194,400	1,944,000	155,520	1,555,200	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét do ô xi hóa	
53	Vỉ mạch, kích thước: (12.5 x 7.5) cm	Chiếc	165	6,000	990,000	3,000	495,000	3,000	495,000	2,700	445,500	2,430	400,950	1,944	320,760	1,555	256,608	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị, ô xi hóa	
54	Xe trượt điện (electric scooter), hiệu: Kinway, model: KV950, kích thước: (1000 x 1200 x 540) mm, khối lượng: 16.5kg, công suất: 350W	Chiếc	1	3,600,000	3,600,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	1,800,000	1,800,000	1,620,000	1,620,000	1,296,000	1,296,000	1,036,800	1,036,800	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét, ô xi hóa	
55	Xe đạp địa hình (Kết luận định giá ghi: Xe điện, hiệu: Kinway, model: KV2660, kích thước: 165x60x120 cm, điện áp sạc: 110-240V/50-60Hz, khối lượng: 21kg).	Chiếc	1	6,000,000	6,000,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,050,000	4,050,000	3,645,000	3,645,000	2,916,000	2,916,000	2,332,800	2,332,800	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét, ô xi hóa	
56	Xe đạp địa hình (Kết luận định giá ghi: Xe điện, hiệu: Kinway, model: KV 2610, kích thước: 165x60x120 cm, điện áp sạc: 110-240V/50-60Hz, khối lượng: 21kg.	Chiếc	1	5,000,000	5,000,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,150,000	3,150,000	2,835,000	2,835,000	2,268,000	2,268,000	1,814,400	1,814,400	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chỗ bị rỉ sét, ô xi hóa	
57	Khuôn nón các loại, màu hồng, chất liệu: nhựa đẻo	Kg	145	30,000	4,350,000	30,000	4,350,000	30,000	4,350,000	27,000	3,915,000	24,300	3,523,500	19,440	2,818,800	15,552	2,255,040	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
58	Chi tiết kim loại, phụ kiện túi xách các loại	Kg	23	20,000	460,000	8,000	184,000	8,000	184,000	7,200	165,600	6,480	149,040	5,184	119,232	4,147	95,386	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
59	Móc treo chìa khóa, chất liệu: kim loại	Kg	302	20,000	6,040,000	8,000	2,416,000	8,000	2,416,000	7,200	2,174,400	6,480	1,956,960	5,184	1,565,568	4,147	1,252,454	Không rõ xuất xứ	Một số bị gỉ, chuyển gỉ, cũ, hỏng, mục, nát	
60	Giấy nhám đĩa, ϕ 180mm, quy cách: 2.000 chiếc/thùng	Thùng	118	400,000	47,200,000	300,000	35,400,000	300,000	35,400,000	270,000	31,860,000	243,000	28,674,000	194,400	22,939,200	155,520	18,351,360	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số thùng bị mục, nát	
61	Giấy mạ màu vàng dát mỏng, kích thước: (10 x 10) cm, quy cách: 5 tập/bịch	Tập	5,500	5,000	27,500,000	2,000	11,000,000	2,000	11,000,000	1,800	9,900,000	1,620	8,910,000	1,296	7,128,000	1,037	5,702,400	Không rõ xuất xứ	Một số tập bị chuyển gỉn, cũ, hỏng, mục, nát	
62	Cuộn decal, khổ 60cm, 9kg/Cuộn	Cuộn	54	360,000	19,440,000	360,000	19,440,000	360,000	19,440,000	324,000	17,496,000	291,600	15,746,400	233,280	12,597,120	186,624	10,077,696	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chuyển gỉn	
63	Cuộn nilon, khổ: 60cm, 9kg/Cuộn.	Cuộn	45	200,000	9,000,000	200,000	9,000,000	200,000	9,000,000	180,000	8,100,000	162,000	7,290,000	129,600	5,832,000	103,680	4,665,600	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, hỏng, mốc, bẩn, một số chuyển gỉn	Kết luận định giá là 48 cuộn)
64	Túi bóng nilon, kích thước: (7x10) cm	kg	120	20,000	2,400,000	20,000	2,400,000	20,000	2,400,000	18,000	2,160,000	16,200	1,944,000	12,960	1,555,200	10,368	1,244,160	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số chuyển gỉn	
65	Catolog vải rèm, hiệu: SAPPHIRE Home Textile, kích thước: (35 x 25 x 4) cm, quy cách: 25 chiếc/thùng	Chiếc	250	30,000	7,500,000	5,000	1,250,000	5,000	1,250,000	4,500	1,125,000	4,050	1,012,500	3,240	810,000	2,592	648,000	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số mốc, bẩn	
66	Đĩa mài nhám xếp, ϕ 100mm, dày 4mm, quy cách: 300 chiếc/thùng	Thùng	78	540,000	42,120,000	540,000	42,120,000	540,000	42,120,000	486,000	37,908,000	437,400	34,117,200	349,920	27,293,760	279,936	21,835,008	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số thùng mục nát	
67	Đĩa mài nhám xếp, ϕ 100mm, dày 7mm, quy cách: 300 chiếc/thùng	Thùng	263	600,000	157,800,000	600,000	157,800,000	600,000	157,800,000	540,000	142,020,000	486,000	127,818,000	388,800	102,254,400	311,040	81,803,520	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số mục nát	
68	Thảm sợi nilông, kích thước: DxR=140x70cm	Chiếc	750	80,000	60,000,000	60,000	45,000,000	60,000	45,000,000	54,000	40,500,000	48,600	36,450,000	38,880	29,160,000	31,104	23,328,000	Không rõ xuất xứ	Một số thảm đã bị mốc đen, bẩn	
69	Hộp có khóa, nhãn hiệu không thể hiện, model: LX-4042, kích thước: (49 x 48 x 16) cm, khối lượng: 5.5 KG.	Chiếc	6	300,000	1,800,000	300,000	1,800,000	300,000	1,800,000	270,000	1,620,000	243,000	1,458,000	194,400	1,166,400	155,520	933,120	Không thể hiện	Một số bẩn, mục	
	Hộp có khóa, màu đen, model: LX-4042, kích thước: (49 x 48 x 16) cm, chất liệu: kim loại, khối lượng: 5.5 KG.	Chiếc	31	300,000	9,300,000	300,000	9,300,000	300,000	9,300,000	270,000	8,370,000	243,000	7,533,000	194,400	6,026,400	155,520	4,821,120	Không thể hiện	Một số bẩn, mục	
70	Hộp đựng nữ trang, màu đỏ, chất liệu: giấy, kích thước: (10 x 10 x 2) cm, quy cách: đóng thùng carton, khối lượng: 15 kg/thùng x 02 thùng (Nhận từ Cục Thi hành án ghi là hộp giấy đựng đồ)	Kg	30	20,000	600,000	4,000	120,000	4,000	120,000	3,600	108,000	3,240	97,200	2,592	77,760	2,074	62,208	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một ô bị mục nát, bẩn	
71	Hộp đựng nữ trang đỏ (Kết luận định giá ghi: Hộp đựng nữ trang, chất liệu: giấy, kích thước: (10 x 10 x 2) cm, quy cách: đóng thùng, khối lượng: 15 kg/thùng; Số lượng 15kg)	Kg	15	20,000	300,000	4,000	60,000	4,000	60,000	3,600	54,000	3,240	48,600	2,592	38,880	2,074	31,104	Không rõ xuất xứ	Thùng đã bị hư, cũ, bẩn	Kết luận định giá ghi: 15kg

Số TT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Kết luận định giá số 1240/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2019		Chứng thư định giá số 481/CTh-VCHP ngày 25/02/2021 của Công ty CPTVTĐG VCHP		Giá khởi điểm để bán đấu giá xác định		Giá điều chỉnh lần 1 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 2 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 3 (giảm 20%)		Giá điều chỉnh lần 4 (giảm 20%)		Xuất xứ	Hiện trạng tài sản, hàng hóa (Theo nội dung bản án)	Ghi chú
				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)			
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6=2x5	7	8=2x7	9	10							11	12	13
72	Ná cao su có hộp, nhãn hiệu không thể hiện	Chiếc	488	10,000	4,880,000	10,000	4,880,000	10,000	4,880,000	9,000	4,392,000	8,100	3,952,800	6,480	3,162,240	5,184	2,529,792	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số đã bẩn, hỏng, một số hộp không còn nguyên vẹn	
73	Ná cao su không hộp ,nhãn hiệu không thể hiện, kích thước: dài 12cm x rộng 7cm	Chiếc	2,322	10,000	23,220,000	10,000	23,220,000	10,000	23,220,000	9,000	20,898,000	8,100	18,808,200	6,480	15,046,560	5,184	12,037,248	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số đã bẩn, hỏng, một số hộp không còn nguyên vẹn	
74	Keo sáp	Hộp	144	100,000	14,400,000		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	Không rõ xuất xứ	Một số đã bẩn, bục	(Kết luận định giá ghi: Sáp tạo kiểu tóc, hiệu: SUBTIL LABORATOIRE, loại: CLAY WAX, dung tích: 100ml, sản xuất năm: 25/09/2018, hạn sử dụng: 24/09/2021; Số lượng 96 hộp x 100.000đ = 9.600.000 đồng) - Thống nhất tiêu hủy
75	Sáp tạo kiểu tóc, hiệu: SUBTIL LABORATOIRE, loại: CLAY WAX, dung tích: 100ml, sản xuất: 25/09/2018, hạn sử dụng: 24/09/2021	Hộp	40	100,000	4,000,000		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	Không rõ xuất xứ	Hộp đựng bục, nát	- Kết luận định giá: 384 hộp - Thống nhất tiêu hủy
76	Keo hai thành phần, nhãn mác trên bao bì: Epoxy Resin Adhesive, khối lượng: 20kg/thùng.	Thùng	10	1,600,000	16,000,000	1,600,000	16,000,000	1,600,000	16,000,000	1,440,000	14,400,000	1,296,000	12,960,000	1,036,800	10,368,000	829,440	8,294,400	Không rõ xuất xứ	Vỏ thùng bẩn	
	Mỡ bôi trơn, nhãn mác trên bì: Exlub, khối lượng: 17kg/thùng	Thùng	20	350,000	7,000,000	350,000	7,000,000	350,000	7,000,000	315,000	6,300,000	283,500	5,670,000	226,800	4,536,000	181,440	3,628,800	Không rõ xuất xứ	Vỏ thùng bẩn	
	Mỡ bôi trơn, nhãn mác trên bao bì: ChaorunJie, khối lượng: 18kg/thùng.	Thùng	10	400,000	4,000,000	400,000	4,000,000	400,000	4,000,000	360,000	3,600,000	324,000	3,240,000	259,200	2,592,000	207,360	2,073,600	Không rõ xuất xứ	Vỏ thùng bẩn	
77	Cây mát xa mặt, chất liệu: đá, quy cách: 3 chiếc/gói	Chiếc	300	8,000	2,400,000	5,000	1,500,000	5,000	1,500,000	4,500	1,350,000	4,050	1,215,000	3,240	972,000	2,592	777,600	Không rõ xuất xứ	Một số bẩn, bị rỉ và ố vỉ hộp	
78	Thuốc nhuộm tóc, nhãn mác trên bao bì: Chữ nước ngoài, dung tích: 100ml/Lọ.	Lọ	7,300	7,000	51,100,000		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	Không rõ xuất xứ	Một số vỡ mục nát	Tiêu hủy
79	Mực in máu, nhãn mác trên bao bì: Docan, khối lượng:1kg/Lọ.	Lọ	48	80,000	3,840,000	80,000	3,840,000	80,000	3,840,000	72,000	3,456,000	64,800	3,110,400	51,840	2,488,320	41,472	1,990,656	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng	
80	Bích nhựa HDPE, chất liệu: nhựa HDPE, khối lượng: 7kg/chiếc, kích thước: ϕtrong : 29cm, ϕngoài: 35cm, cao 17 cm (Bản án số 23/2020/HS-ST ngày 11/6/2020 giải Phách nhựa)	Chiếc	10	80,000	800,000	80,000	800,000	80,000	800,000	72,000	720,000	64,800	648,000	51,840	518,400	41,472	414,720	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
81	Lọ đựng mỹ phẩm, chất liệu: thủy tinh, kích thước: (ϕ6 x 4) cm	Lọ	281	3,000	843,000	3,000	843,000	3,000	843,000	2,700	758,700	2,430	682,830	1,944	546,264	1,555	437,011	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	Kết luận định giá: 525 lọ
82	Nắp lọ thủy tinh, chất liệu: nhựa, kích thước: (f6 x 1,5) cm, quy cách: 30 chiếc/kg	Chiếc	300	2,000	600,000	2,000	600,000	2,000	600,000	1,800	540,000	1,620	486,000	1,296	388,800	1,037	311,040	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	Kết luận định giá: 360 chiếc
83	Dây thắt lưng, mặt kim loại, quy cách: 12 chiếc/bịch x 241 bịch	Chiếc	2,892	10,000	28,920,000	5,000	14,460,000	5,000	14,460,000	4,500	13,014,000	4,050	11,712,600	3,240	9,370,080	2,592	7,496,064	Không rõ xuất xứ	Dễ mốc, khô cứng da, một số bị ố vỉ hộp	
	Thắt lưng dây, mặt kim loại, quy cách: 12 chiếc/bịch	Chiếc	300	10,000	3,000,000	5,000	1,500,000	5,000	1,500,000	4,500	1,350,000	4,050	1,215,000	3,240	972,000	2,592	777,600	Không rõ xuất xứ		
	Thắt lưng dây, mặt kim loại, quy cách: 12 chiếc/bịch	Chiếc	504	10,000	5,040,000	5,000	2,520,000	5,000	2,520,000	4,500	2,268,000	4,050	2,041,200	3,240	1,632,960	2,592	1,306,368	Không rõ xuất xứ		
84	Túi xách giả da nữ, kích thước: (24 x 10 x 16) cm.	Chiếc	59	120,000	7,080,000	30,000	1,770,000	30,000	1,770,000	27,000	1,593,000	24,300	1,433,700	19,440	1,146,960	15,552	917,568	Không rõ xuất xứ	Một số đã cũ, bẩn, mốc do khô	
	Túi xách giả da nữ, màu đen, kích thước: (32 x 30) cm, quy cách: 5 chiếc/bịch x 52 bịch	Chiếc	260	120,000	31,200,000	30,000	7,800,000	30,000	7,800,000	27,000	7,020,000	24,300	6,318,000	19,440	5,054,400	15,552	4,043,520	Không rõ xuất xứ		
	Túi xách giả da nữ, màu đen, kích thước: (30 x 26) cm, quy cách: 10 chiếc/bịch x 18 bịch	Chiếc	180	120,000	21,600,000	30,000	5,400,000	30,000	5,400,000	27,000	4,860,000	24,300	4,374,000	19,440	3,499,200	15,552	2,799,360	Không rõ xuất xứ		
	Túi ba lô giả da, kích thước: (32 x 32) cm, quy cách: 10 chiếc/bịch x 40 bịch	Chiếc	400	120,000	48,000,000	30,000	12,000,000	30,000	12,000,000	27,000	10,800,000	24,300	9,720,000	19,440	7,776,000	15,552	6,220,800	Không rõ xuất xứ		
	Túi ba lô giả da, kích thước: (32 x 40) cm, quy cách: 10 chiếc/bịch x 15 bịch	Chiếc	150	120,000	18,000,000	30,000	4,500,000	30,000	4,500,000	27,000	4,050,000	24,300	3,645,000	19,440	2,916,000	15,552	2,332,800	Không rõ xuất xứ		
	Túi vải, kích thước: (34 x 40) cm	Chiếc	840	12,000	10,080,000	10,000	8,400,000	10,000	8,400,000	9,000	7,560,000	8,100	6,804,000	6,480	5,443,200	5,184	4,354,560	Không rõ xuất xứ		
	Túi xách giả da nữ, kích thước: (24 x 10 x 16) cm	Chiếc	36	120,000	4,320,000	30,000	1,080,000	30,000	1,080,000	27,000	972,000	24,300	874,800	19,440	699,840	15,552	559,872	Không rõ xuất xứ		
	Balo nữ, chất liệu: giả da, kích thước: (32 x 32) cm, quy cách: 10 chiếc/bịch	Chiếc	180	120,000	21,600,000	30,000	5,400,000	30,000	5,400,000	27,000	4,860,000	24,300	4,374,000	19,440	3,499,200	15,552	2,799,360	Không rõ xuất xứ		

Số TT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Kết luận định giá số 1240/KL-HĐĐGTS ngày 25/6/2019		Chứng thư định giá số 481/CTĐ-VCHP ngày 25/02/2021 của Công ty CPTVTĐG VCHP		Giá khởi điểm đề bán đồng xác định		Giá điều chỉnh lần 1 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 2 (giảm 10%)		Giá điều chỉnh lần 3 (giảm 20%)		Giá điều chỉnh lần 4 (giảm 20%)		Xuất xứ	Hiện trạng tài sản, hàng hóa (Theo nội dung bản án)	Ghi chú
				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)			
A	B	1	2	3	4=2x3	5	6=2x5	7	8=2x7	9	10							11	12	13
	Balo, hiệu: CHANSIN, chất liệu: vải, kích thước: (46 x 32) cm, quy cách: 10 chiếc/bịch	Chiếc	525	80,000	42,000,000	40,000	21,000,000	40,000	21,000,000	36,000	18,900,000	32,400	17,010,000	25,920	13,608,000	20,736	10,886,400	Không rõ xuất xứ		
	Túi đeo có dây xe, màu xanh đậm, nhãn hiệu: MEIJIELUO, chất liệu: vải, kích thước: (34 x 21) cm	Chiếc	350	60,000	21,000,000	30,000	10,500,000	30,000	10,500,000	27,000	9,450,000	24,300	8,505,000	19,440	6,804,000	15,552	5,443,200	Không rõ xuất xứ		
85	Vải	Kg	852	35,000	29,820,000	20,000	17,040,000	20,000	17,040,000	18,000	15,336,000	16,200	13,802,400	12,960	11,041,920	10,368	8,833,536		Đã cũ, nhàu nát, hết mốc	Kết luận định giá ghi: Vải hợp kim, khổ rộng 150 cm, quy cách: đóng cuộn trên, chiều dài mỗi cuộn: 150-206 m. 365kg x 35.000đ/kg; Vải lưa, khối lượng: 25 kg/bao tổng số 500kg x 35.000đ/kg; Vải khổ 150 số lượng 310kg x 35.000đ/kg)
86	Vải nhung 1 mặt, khổ 1,5m - 1,6m, quy cách: đóng bao, khối lượng: 150 kg/bao x 3 bao	Kg	209	35,000	7,315,000	20,000	4,180,000	20,000	4,180,000	18,000	3,762,000	16,200	3,385,800	12,960	2,708,640	10,368	2,166,912	Không rõ xuất xứ	Đã cũ, nhàu nát, hết mốc	Kết luận định giá: 450kg
87	Bộ quần áo nữ, hiệu: YIBIER, chất liệu: vải nhung, quy cách: 5 bộ/bịch	Bộ	70	60,000	4,200,000	50,000	3,500,000	50,000	3,500,000	45,000	3,150,000	40,500	2,835,000	32,400	2,268,000	25,920	1,814,400	Không rõ xuất xứ	Đã nhàu nát, mốc, bẩn	
88	Ga trải giường, chất liệu: vải, kích thước: (120 x 230) cm	Chiếc	75	60,000	4,500,000	50,000	3,750,000	50,000	3,750,000	45,000	3,375,000	40,500	3,037,500	32,400	2,430,000	25,920	1,944,000	Không rõ xuất xứ	Đã nhàu, mốc, sờn, bẩn, chưa qua sử dụng	Kết luận định giá: 79 chiếc
89	Nệm ghế, chất liệu: vải, kích thước: (40 x 40) cm	Chiếc	353	20,000	7,060,000	10,000	3,530,000	10,000	3,530,000	9,000	3,177,000	8,100	2,859,300	6,480	2,287,440	5,184	1,829,952	Không rõ xuất xứ	Bẩn, mốc, một ô bị bục đường may, chưa qua sử dụng	Kết luận định giá: 400 chiếc
90	Tất nam, hiệu: ZIRANPAI, các loại	Đôi	1,800	3,000	5,400,000	2,000	3,600,000	2,000	3,600,000	1,800	3,240,000	1,620	2,916,000	1,296	2,332,800	1,037	1,866,240	Không rõ xuất xứ	Một số đã nhàu, mốc, bục đường chỉ, sờn, rách, chưa qua sử dụng.	Cục Thi hành án bàn giao: 105kg, thực tế bàn theo đó, do vậy số liệu đó lấy theo Kết luận định giá
	Tất nữ, hiệu: ZIRANPAI, các loại	Đôi	660	3,000	1,980,000	2,000	1,320,000	2,000	1,320,000	1,800	1,188,000	1,620	1,069,200	1,296	855,360	1,037	684,288	Không rõ xuất xứ		
91	Giày thể thao	Đôi	391	80,000	31,280,000	40,000	15,640,000	40,000	15,640,000	36,000	14,076,000	32,400	12,668,400	25,920	10,134,720	20,736	8,107,776	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, đã bán, một số đôi bị thái sai không đủ, một số chiếc bị chuột gặm nát nhỏ, mốc, hoen rỉ	Kết luận định giá: 461 đôi
92	Găng tay, chất liệu: nilon sợi, quy cách: 10 đôi/bịch (Nhận từ Cục Thi hành án quy đổi ra Kg: 180kg)	Đôi	18,000	3,000	54,000,000	2,000	36,000,000	2,000	36,000,000	1,800	32,400,000	1,620	29,160,000	1,296	23,328,000	1,037	18,662,400	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng, một số đôi bị bẩn mốc, mục	
93	Cói hơi, kích thước: dài 8 cm, chất liệu: kim loại, quy cách: 10 chiếc/hộp	Chiếc	2,000	6,000	12,000,000	2,000	4,000,000	2,000	4,000,000	1,800	3,600,000	1,620	3,240,000	1,296	2,592,000	1,037	2,073,600	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
	Cói hơi, kích thước: dài 5 cm, chất liệu: kim loại, quy cách: 10 chiếc/hộp	Chiếc	2,000	5,000	10,000,000	2,000	4,000,000	2,000	4,000,000	1,800	3,600,000	1,620	3,240,000	1,296	2,592,000	1,037	2,073,600	Không rõ xuất xứ	Chưa qua sử dụng	
94	Bộ bài tây, chất liệu: giấy, quy cách: 10 bộ/hộp x 49 hộp	Bộ	460	5,000	2,300,000	3,000	1,380,000	3,000	1,380,000	2,700	1,242,000	2,430	1,117,800	1,944	894,240	1,555	715,392	Không rõ xuất xứ		Kết luận định giá: 490 bộ
95	Da gia súc nguyên liệu, kích thước: (35 x 25) cm	Kg	400	35,000	14,000,000	15,000	6,000,000	15,000	6,000,000	13,500	5,400,000	12,150	4,860,000	9,720	3,888,000	7,776	3,110,400	Không rõ xuất xứ	Đã khô, cứng, mốc, bẩn	
96	Vật trang trí hình pho mát các loại, chất liệu: nhựa	Kg	28	20,000	560,000	20,000	560,000	20,000	560,000	18,000	504,000	16,200	453,600	12,960	362,880	10,368	290,304	Không rõ xuất xứ	Một số đã mốc, bẩn, nhàu nhĩ, chưa qua sử dụng	
97	Mẫu là màu hồng (Kết luận ghi: Khuôn mẫu, hình lá các loại, chất liệu: nhựa)	Kg	22	30,000	660,000	30,000	660,000	30,000	660,000	27,000	594,000	24,300	534,600	19,440	427,680	15,552	342,144	Không rõ xuất xứ	Một số đã mốc, bẩn	
	Tổng cộng:				1,895,593,000		1,190,973,000		1,190,973,000		1,062,875,700		956,588,130		765,276,504		612,216,403			
	Làm tròn:												956,588,000		765,271,000		612,216,000			
	Giá khởi điểm: 612.216.000 đồng (Sáu trăm mười hai triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng). Giá khởi điểm trên chưa bao gồm các nghĩa vụ tài chính liên quan đến tài sản và các chi phí khác																			

Ghi chú: Tổng số 97 mặt hàng, trong đó:
- 94 mặt hàng điều chỉnh giá bán (lần 2)
- 03 mặt hàng tiêu hủy (keo, sáp, thuốc nhuộm tóc)